TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 690/2024/HC-PT
Ngày 08-7-2024
V/v: Khiếu kiện Quyết định bồi thường,
hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:* Ông Hà Văn Hừng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 1067/2023/TLPT-HC ngày 19 tháng 12 năm 2023 về "Khiếu kiện Quyết định bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 105/2023/HC-ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2043/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Tổ D, khu phố C, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt)

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Quang H - Chức vụ: Chủ tich Ủy ban nhân dân thành phố P; (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Lê Quốc T – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P. Là người đại diện theo ủy quyền (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 4 năm 2024) (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trương Quốc T1 – Trưởng ban Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Số D, đường C T, phường D, thành phố P, K.g

4. Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và Bản án sơ thẩm, người khởi kiện trình bày:

Bà Nguyễn Thị M có diện tích đất nông nghiệp trồng cây lâu năm tại khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang do nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn V vào năm 2002. Diện tích chuyển nhượng khoảng hơn 8.000m^2. Ngày 29/12/2021, Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định số 6838/QĐ-UBND thu hồi của bà M diện tích đất 747,91m^2 thuộc một phần thửa đất số 8, tờ bản đồ số 79, phường A, thành phố P. Lý do thu hồi để thực hiện dự án Khu đô thị C.

Ngày 10/01/2022, Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định số 67/QĐ-U cho bà M số tiền 91.544.200 đồng, bồi thường cây trồng 12.930.000 đồng. Ủy ban nhân dân thành phố P không bồi thường quyền sử dụng đất và cho rằng diện tích đất này trước năm 2005 là đất trống, đến năm 2005 ông V sử dụng sau đó chuyển nhượng cho bà M.

Bà M không đồng ý việc hỗ trợ của Ủy ban nhân dân thành phố P. Yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc hỗ trợ đất đai, bồi thường cây trồng cho bà M.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định bồi thường quyền sử dụng đất hỗ trợ chuyển đổi nghề cho bà M theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 105/2023/HC-ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, *đã căn cứ: Điều 158, Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 77, Điều 83 của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

2. Hủy Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc hỗ trợ đất đai, bồi thường cây trồng cho bà Nguyễn Thị M.

3. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định mới thay thế Quyết định bị hủy. Bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề, bồi thường

cây trồng cho bà Nguyễn Thị M trên diện tích đất 747,91m^2 bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang có làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang không thống nhất với những căn cứ, nhận định tại Bản án hành chính sơ thẩm số 105/2023/HC-ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm lại theo hướng sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 105/2023/HC-ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện thông báo rằng người bị kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cho rằng việc định giá theo hồ sơ vụ án là chưa đúng pháp luật. Bởi vì, Trường Đại học Nông lâm Thành phố H không có chức năng giám định tuổi cây nên Tòa án cấp sơ thẩm trưng cầu Trường Đại học Nông lâm Thành phố H giám định là trái pháp luật. Tuy nhiên, người bị kiện không đề nghị giám định lại tuổi cây trồng mà đề nghị căn cứ vào các biên bản xác minh của cơ quan có thẩm quyền thu thập được trong hồ sơ về nguồn gốc sử dụng đất, thời gian sử dụng đất để xác định bà M và ông V đã sử dụng đất sau năm 2005. Cấp sơ thẩm chưa xem xét các chứng khác mà chỉ xác định tuổi cây để chấp nhận yêu cầu của bà M là chưa có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- Người khởi kiện vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định.

Về nội dung: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo người bị kiện, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24 tháng 8 năm 2023 người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang làm Đơn kháng cáo. Xét Đơn kháng cáo được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 55, Điều 204, Điều 205, Điều 206, Điều 209 của Luật Tố tụng hành chính nên được xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà M không đồng ý việc hỗ trợ của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi đất của bà khi thực hiện dự án Khu đô thị C nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc hỗ trợ đất đai, bồi thường cây trồng cho bà M. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề cho bà M theo đúng quy định của pháp luật.

Xét thấy Quyết định trên được ban hành bởi cơ quan hành chính Nhà nước, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính với quan hệ pháp luật tranh chấp là "Khiếu kiện Quyết định bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất". Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là bà Nguyễn Thị M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người khởi kiện bà Nguyễn Thị M và người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố P.

[4] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[4.1] Bà Nguyễn Thị M có diện tích đất nông nghiệp trồng cây lâu năm tại khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Ngày 29/12/2021, Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định số 6838/QĐ-UBND thu hồi của bà M diện tích đất 747,91m^2 thuộc một phần thửa đất số 8, tờ bản đồ số 79, phường A, thành phố P. Lý do thu hồi để thực hiện dự án Khu đô thị C. Ngày 10/01/2022, Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định số 67/QĐ-U, bồi thường cây trồng cho bà Nguyễn Thị M. Về hình thức, các quyết định nêu trên được ban hành là đúng thẩm quyền.

[4.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc hủy Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P.

Theo lời trình bày của bà M tại đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp thể hiện:

Bà M có diện tích đất 8.098,6m^2 thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 79. Loại đất trồng cây lâu năm tại khu phố G, phường A, thành phố P. Ngày 29/12/2021 Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định số 6838/QĐ-UBND thu hồi của bà M diện tích 747,91m^2 (phần còn lại 7.350,7m^2) được thể hiện tại Biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P ngày 06/5/2021.

Trên diện tích đất bị thu hồi có trồng các loại cây Tràm bông vàng, Tràm Ú và Xà C. Để chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ về thời điểm sử dụng đất bà Nguyễn Thị M đã yêu cầu Tòa án trưng cầu Cơ quan chức năng giám định tuổi cây trồng trên đất.

Ngày 24/4/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã ra Quyết định số 58/2023/QĐ-TCGĐ trưng cầu Trường Đại học Nông lâm Thành phố H giám định tuổi cây đối với cây Tràm Ú và cây Xà C trồng trên diện tích đất của bà M.

Ngày 01/6/2023, Trường Đại học Nông lâm Thành phố H đã có "Kết quả giám định tuổi cây" số 1989/ĐHNL-LN gửi Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang nội dung xác định: Tuổi cây Xà Cừ tính đến thời điểm giám định là 21 năm tuổi, cây T Úc là 28 năm tuổi.

Từ kết quả này cấp sơ thẩm đã xác định bà M sử dụng diện tích đất bị thu hồi từ năm 2002, còn chủ sở hữu cũ đã sử dụng từ năm 1995 là có cơ sở.

[4.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cho rằng việc giám định tuổi cây của Trường Đại học Nông lâm Thành phố H là không đúng pháp luật vì trường này không có chức năng giám định. Tòa án cấp phúc thẩm đã hoãn phiên tòa nhiều lần để đề nghị người khởi kiện trao đổi với Trường Đại học Nông lâm Thành phố H nhưng không có kết quả. Người bị kiện cũng không đề nghị giám định lại hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám định lại tuổi cây nên không có căn cứ cho rằng việc giám định tuổi cây của Trường Đại học Nông lâm Thành phố H là không đúng pháp luật. Mặt khác, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cũng xác định, khi thẩm định, giám định tuổi cây của Trường Đại học Nông lâm Thành phố H do Tòa án cấp sơ thẩm tổ chức, đại diện các cơ quan chức năng của phía người bị kiện đã tham gia nhưng cũng thống nhất, không có ý kiến khiếu nại về việc thẩm định, giám định nêu trên.

[4.4] Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai: "*2. Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật này*".

Ngoài việc bồi thường thì khi thu hồi đất Nhà nước còn phải xem xét hỗ trợ theo quy định tại Điều 83 Luật Đất đai. Bà M được xét là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nên được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Ủy ban nhân dân thành phố P khi thu hồi đất nhưng không thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ, không xem xét lời trình bày của người có đất bị thu hồi mà xác định thời điểm sử dụng đất của bà M vào năm 2005 để ra Quyết định hỗ trợ đối với diện tích đất 747,91m^2 là không phù hợp cần phải hủy bỏ để Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành lại Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho bà M theo đúng quy định của pháp luật.

[5] Từ những nhận định trên, xét thấy người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được những tài liêu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo. Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Vì yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân thành phố P phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 105/2023/HC-ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 158, Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 77, Điều 83 của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

2. Hủy Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang về việc hỗ trợ đất đai, bồi thường cây trồng cho bà Nguyễn Thị M.

3. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang ra Quyết định mới thay thế Quyết định bị hủy. Bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ chuyển đổi

nghề, bồi thường cây trồng cho bà Nguyễn Thị M trên diện tích đất 747,91m^2 bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố P chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo Biên lai thu số 0001445 ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. Ủy ban nhân dân thành phố P đã đóng xong án phí hành chính phúc thẩm.

5. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NVK.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồ Tâm Tú